

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số:157/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2017

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoa Kiều**

2. Ông **Phạm Thế Tụng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Thực** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1962; (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Võ Trí D**, sinh năm 1959; (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ tạm trú: ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Võ Trí D tổ chức đám cưới và sống chung như vợ chồng từ năm 1981, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Hôn nhân của hai người là do hai gia đình kết sui gia, thời gian đầu ông D, bà T vẫn chung sống bình thường. Đến năm 1990 thì phát sinh mâu thuẫn do ông D thường xuyên nhậu nhẹt, không có trách nhiệm với vợ con nên đến năm 1992 thì sống ly thân cho đến nay. Bà T, ông D có 02 con chung là chị Võ Thị Thanh T, sinh

năm 1983 và chị Võ Thị Lê G, sinh năm 1992. Về tài sản chung, nợ chung, bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dũng.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông Võ Trí D, con chung đã trưởng thành, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Võ Trí D tranh chấp ly hôn; ông D hiện đang ở tại ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Bị đơn, ông Võ Trí D không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông D.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim T, Hội đồng xét xử thấy rằng, bà T và ông Võ Trí D đã tổ chức đám cưới và chung sống như vợ chồng kể từ năm 1981. Mặc dù cả hai không đăng ký kết hôn nhưng theo quy định tại điểm a Mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 quy định “a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03-01-1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình”, Nghị quyết 35/2000/QH10 chưa bị thay thế, bãi bỏ nên vẫn còn giá trị pháp lý. Do đó quan hệ vợ chồng của bà T với ông D là hôn nhân thực tế. Nay bà T có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Quá trình chung sống bà T và ông D có hai con chung là chị Võ Thị Thanh T, sinh năm 1983 và chị Võ Thị Lê G, sinh năm 1992. Theo bà T, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông D thường xuyên nhậu nhẹt và không quan tâm đến bà và các con, cuộc sống như vợ chồng chỉ bình thường đến năm 1990 thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó đến năm 1992 thì cả hai sống ly thân cho đến nay. Khi bà T có đơn xin ly hôn, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho ông D nhưng ông D không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, các lần hòa giải và tại phiên tòa ông D vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Điều đó đã cho thấy ông D đã không còn quan tâm đến hôn

nhân giữa ông và bà T. Xét thấy tình cảm và đời sống chung của vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông D là phù hợp.

[4] Các con chung đã trưởng thành, về nợ chung, tài sản chung bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Bà T phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Võ Trí D.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 34920 ngày 21-02-2017 nên xem như bà T đã thi hành xong án phí.

Bà T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với ông D là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã Song Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Phương